

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 01 - 2021

V/v ly hôn giữa chị L và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lưu Thị Nhàn

Ông Trần Văn Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Độ L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1984 (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang Dũng, sinh năm 1984 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 9 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Độ L trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vấn đề này đã được gia đình bạn bè khuyên giải để vợ chồng cùng khắc phục nhưng không được. Từ tháng 6/2017 chị và anh D đã sống ly thân, năm 2019 anh D có con riêng

với người khác. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quang D

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Minh Q, sinh ngày 14/6/2008 và Nguyễn Khánh A, sinh ngày 20/10/2012, các con đang ở với anh D. Khi ly hôn chị đề nghị tiếp tục giao các con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Vì hiện nay chị đang làm nhân viên văn phòng thu nhập thấp, mỗi tháng 07 triệu đồng nên không thể đảm nhiệm việc nuôi và chăm sóc các con được, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi con cho anh D là 1.500.000đồng/tháng.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2020 bị đơn anh Nguyễn Quang D trình bày: Anh và chị L tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh như chị L trình bày là đúng, hiện các con đang ở với anh. Khi ly hôn chị L không nuôi con thì anh nhận trách nhiệm tiếp tục nuôi cả hai con, đề nghị chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 mảnh đất; 01 mảnh tại thôn Tăng My, Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội; 01 mảnh tại Ngọc Trục, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà nội. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong cùng vụ án

Tại phiên tòa:

Chị L vắng mặt, chị có quan điểm giữ nguyên lời trình bày và đề nghị tại tòa án như đã nêu trên;

Anh D vắng mặt không có lý do;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị Độ L và anh Nguyễn Quang D.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao hai cháu Nguyễn Minh Q và Nguyễn Khánh A cho anh Nguyễn Quang D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Buộc chị Đoàn Thị Độ L phải cấp dưỡng nuôi con chung

cho anh D, với mức cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/con/tháng đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về tài sản và công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết, ngày 25/12/2020 anh D có yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là 02 mảnh đất tại Hà Nội. Yêu cầu chia tài sản của anh D là sau ngày Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ (10/12/2020) nên không được xem xét, giải quyết. Việc chia tài sản chung của vợ chồng sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị Đoàn Thị Độ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đoàn Thị Độ L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Anh Nguyễn Quang D đã được Tòa án tổng đạt thủ tục phiên tòa 02 lần hợp lệ, nhưng anh D vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Độ L và anh Nguyễn Quang D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2017 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị Lượng và anh D không hạnh phúc, sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Quang D của chị Đoàn Thị Độ L phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung chưa thành niên: Các đương sự có 02 con chung hiện đang ở với anh D. Khi vợ chồng ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Chị L đề nghị tiếp tục giao 02 con là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 14/6/2008 và cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 20/10/2012 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D nhất trí nuôi 02 con, phù hợp với nguyện vọng của các con xin được ở với bố là có căn cứ được chấp nhận;

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh D đề nghị chị L phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Căn cứ Nghị định số 90 của Chính Phủ quy định mức

lương tối thiểu cho người lao động theo vùng năm 2020 trên cả nước; Căn cứ Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của chị L và đảm bảo nhu cầu thiết yếu của các con. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng cho anh D, kể từ ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

[5] Về tài sản: Trong thời gian thụ lý giải quyết vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (ngày 10/12/2020) các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 25/12/2020 anh D mới đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung là vượt quá phạm vi, yêu cầu khởi kiện, theo quy định tại khoản 1 Điều 5; khoản 3 điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu của anh D không có căn cứ để chấp nhận, nên Tòa án không đặt ra xem xét. Việc chia tài sản của anh D với chị L sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ, việc dân sự khác nếu các đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Đoàn Thị Độ L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa Đoàn Thị Độ L và anh Nguyễn Quang D.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao anh Nguyễn Quang D tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 14/6/2008 và cháu Nguyễn Khánh A, sinh ngày 20/10/2012. Chị Đoàn Thị Độ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Quang D, mỗi con 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) 01 tháng, kể từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên có khả năng lao động tự lập được.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc, trông nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị Độ L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi

con. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai số 0000266, ngày 21 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị Đoàn Thị Độ L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh